TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2026
V/v: "T/c ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Toan.

2. Nguyễn Thị Bích Thủy

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tống Thị L; sinh năm: 1991.
Địa chỉ: 8 V, Tổ H I, phường D, Tỉnh Gia Lai. Có mặt.
Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh C; sinh năm: 1978.
Địa chỉ: B V, phường T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Tống Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Thanh C qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2018 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là Ủy ban nhân dân phường D, tỉnh Gia Lai).

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của chúng tôi diễn ra tốt đẹp và hạnh phúc, tuy nhiên sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân áp lực, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly

hôn với anh Nguyễn Thanh C.

- Về con chung: chúng tôi có 01 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày: 29/6/2017. Hiện con đang ở với tôi. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Thanh C mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Do vậy, anh C không có lời khai trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Tống Thị L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn là anh Nguyễn Thanh C có hộ khẩu thường trú tại B V, phường T, tỉnh Gia Lai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Do bị đơn Nguyễn Thanh C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị L và anh Nguyễn Thanh C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/9/2018 tại Ủy ban nhân dân phường I (nay là phường D), tỉnh Gia Lai, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo như chị L trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân áp lực, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chị L và anh C đã sống ly thân. Nay chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh C.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Thanh C, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C vẫn vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Điều này chứng tỏ anh C bỏ mặc, không quan tâm đến việc có cần duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị L hay không.

Xét thấy tình trạng hôn nhân trên thực tế hiện nay giữa chị L và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà cả hai bên đều không ai có biện pháp hay thiện chí để giải quyết, dẫn đến hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Tống Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thanh C.

[5] Về con chung: Chị Tống Thị L và anh Nguyễn Thanh C có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày: 29/6/2017. Hiện con đang ở với chị L. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Xét thấy, hiện nay con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh N đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu là nữ giới, đang ở độ tuổi phát triển toàn diện về tâm sinh lý nên cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, đồng thời cháu N có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của anh C về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của chị L là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng con chung nên được chấp nhận.

Giao cho chị Tố ng Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày: 29/6/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tố ng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tố ng Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tống Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 0002842 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10; khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Tố ng Thị L.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tố ng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thanh C.

2. Về con chung: Giao cho chị Tố ng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày: 29/6/2017 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tố ng Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tố ng Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Tống Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 0002842 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. (Đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 của Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - GL;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà